

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 09-9-2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Liên.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

Bà Võ Thị Hồng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Trường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2020/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 550/2020/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn T; cư trú tại: Tổ 18, khu vực 4, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Phan Thị H; cư trú tại: Tổ 18, khu vực 4, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Có mặt)

Người kháng cáo: Bà Phan Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn T bà Phan Thị H kết hôn ngày 09/9/1989, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, ông bà vẫn chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Theo ông T, nguyên nhân do bà H ham mê cờ bạc, ông khuyên giải bà H không nghe, mà còn gây gỗ, xúc phạm ông. Trước đây, ông khởi kiện yêu cầu ly hôn bà H, nhưng ông đã rút đơn khởi kiện để bà H sửa chữa. Từ khi ông rút đơn khởi kiện cho đến nay, bà H vẫn không thay đổi. Từ tháng 11/2019 đến nay, vợ chồng sống chung một nhà, nhưng ăn riêng, phần ai nấy lo, không còn quan tâm lẫn nhau. Ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, nên yêu cầu được ly hôn bà H. Còn bà H cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, thỉnh thoảng có cãi vã nhưng không đáng kể. Từ tháng 11/2019, ông T uống cà phê, tụ tập đánh bài, về nhà gây gỗ, làm riêng, ăn riêng, xúc phạm đánh đập bà, vợ chồng sống chung một nhà nhưng phần ai nấy lo, không quan tâm lẫn nhau. Bà thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nhưng do tài sản chung của vợ chồng chưa rõ ràng, nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông T bà H thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1989 và Nguyễn Minh C, sinh năm 1991, đã trưởng thành, phát triển bình thường, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông T bà H thống nhất không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 550/2020/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn T xin ly hôn bà Phan Thị H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về con chung, án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, bị đơn bà Phan Thị H kháng cáo không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét kháng cáo không đồng ý ly hôn của bà Phan Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông T và bà H đăng ký kết hôn ngày 09/9/1989,

là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà vẫn chung sống bình thường, cho đến gần cuối năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do từ những bất đồng trong cuộc sống vợ chồng, ông bà thiếu sự cảm thông, chia sẻ, nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Tháng 4/2020, ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn bà H, nhưng ông đã rút đơn, để vợ chồng có điều kiện hàn gắn tình cảm. Sau khi rút đơn, cuộc sống chung của ông bà vẫn không có gì thay đổi và ngày càng trở nên nặng nề, căng thẳng hơn. Từ tháng 11/2019, tuy sống chung một nhà, nhưng ông bà không ăn chung, không có tình cảm, trách nhiệm với nhau. Như vậy, trình trạng hôn nhân của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn T xin ly hôn bà Phan Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV thì kháng cáo của bà H không được chấp nhận, nên bà phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp.

[3] Theo quy định tại khoản 2 Điều 282, 293 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về con chung, án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn T xin được ly hôn bà Phan Thị H.

2. Phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về con chung và án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Bà Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008304 ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q, bà H đã nộp đủ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THA thành phố Q;
- Các bên đương sự;
- Lưu: HS, Tòa GD&NCTN.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Liên

